

Số: /BC-CTK

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2024 tỉnh Hải Dương

Dự báo tình hình thế giới, khu vực sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường do căng thẳng địa chính trị, rủi ro khí hậu ngày càng lớn và nguy cơ trên thị trường tài chính do lãi suất cao hơn trong thời gian dài, thách thức về nợ bền vững. Tuy nhiên, các dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới gần đây đều “điều chỉnh tăng” tăng trưởng toàn cầu năm 2024 so với các dự báo từ đầu năm. Triển vọng tích cực đến từ nền kinh tế Mỹ và một số quốc gia mới nổi như Brazil, Ấn Độ, Nga...

Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Mặc dù tăng trưởng trong quý I/2024 của cả nước (+5,66%) đạt cao nhất so với quý I giai đoạn 2020-2023, nhưng dự báo tăng trưởng cả năm vẫn chỉ đạt 6% cho thấy “nguy cơ” tăng trưởng trong các quý còn lại của năm 2024 chậm lại. Nếu hoạt động ngoại thương (xuất, nhập khẩu) tiếp tục tăng cao và thúc đẩy tiêu dùng trong nước bằng các giải pháp phù hợp (duy trì lãi suất thấp, ổn định lạm phát, kích cầu tiêu dùng) thì tăng trưởng của cả nước nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng sẽ đạt và vượt mục tiêu đề ra.

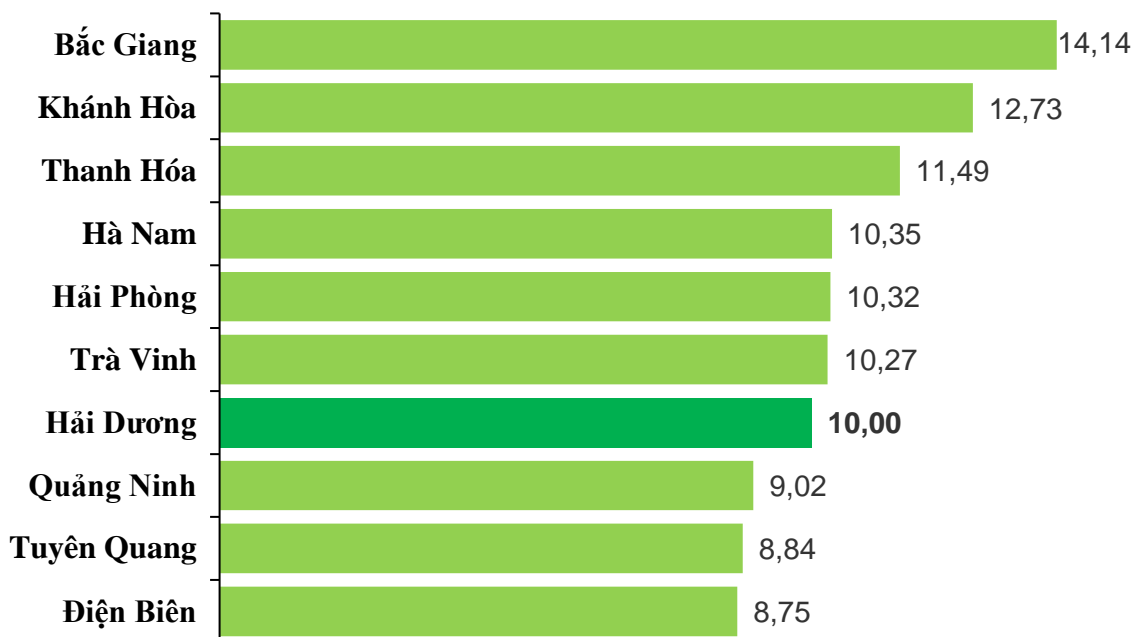
I. KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc quyết liệt của cả Hệ thống chính trị, cùng sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong tỉnh, kinh tế tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng khá, ước đạt 10,00% (thông báo của Tổng cục Thống kê trong Công văn số 1004/TCTK-TKQG ngày 29/5/2024); trong đó, công nghiệp tiếp tục là mũi nhọn với tăng trưởng +14,31%; đóng góp 7,04 điểm% vào tăng trưởng chung.

Tăng trưởng 6 tháng đầu năm của Tỉnh cao thứ 7/63 cả nước (sau Bắc Giang, Khánh Hoà, Thanh Hoá, Hà Nam, Hải Phòng và Trà Vinh) và thứ 3/11 Vùng ĐBSH. Theo từng khu vực, tăng trưởng khu vực I đứng thứ 26/63 cả nước; tăng trưởng khu vực II đứng thứ 8/63 cả nước (riêng công nghiệp đứng thứ 9/63 cả nước); tăng trưởng khu vực III đứng thứ 25/63 cả nước.

**TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
CỦA 10 TỈNH, THÀNH PHỐ ĐÚNG ĐẦU CẢ NƯỚC (%)**



Tăng trưởng quý I sơ bộ đạt 10,11% cao hơn số liệu ước tính trước đó (+9,80%) là 0,31 điểm%; nguyên nhân là do các ngành NLTS, Công nghiệp, Xây dựng và một số ngành dịch vụ đều tăng trưởng thực tế cao hơn so với số ước tính; cụ thể:

- Khu vực I tăng cao hơn 0,33 điểm%, nguyên nhân là do hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đều tăng cao hơn so với ước tính trước đó lần lượt 1,1 điểm% và 0,2 điểm%;

- Sản xuất công nghiệp tăng cao hơn 0,35 điểm%; cao hơn chủ yếu do hoạt động sản xuất và phân phối điện tăng cao hơn dự báo 3,43 điểm%;

- Lĩnh vực xây dựng tăng cao hơn 2,14 điểm% do bổ sung thêm giá trị xây dựng các công trình nhà không để ở (hội trường, nhà làm việc, trường học, nhà xưởng...) tổng hợp được thêm từ các dữ liệu điều tra và dữ liệu hành chính.

Tăng trưởng quý II ước đạt 9,91% thấp hơn so với tăng trưởng quý I bởi các nguyên nhân sau:

- Sản xuất NLTS tăng thấp hơn 2,82 điểm% do năng suất, sản lượng vải giảm khá mạnh, hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đều tăng thấp hơn quý I do yếu tố thị trường và các yếu tố bất lợi của thời tiết, môi trường;

- Lĩnh vực công nghiệp tăng thấp hơn 0,06 điểm% do nhiều ngành công nghiệp tăng đột biến (trên 20%) trong quý I đã tăng chậm lại (dệt, sản xuất giấy, cao su và nhựa, đồ gỗ nội thất); đồng thời, một số ngành mũi nhọn của tỉnh cũng tăng chậm lại như: sản xuất thực phẩm tăng 11,9% (giảm 5,6 điểm% so với quý I);

sản xuất da giày tăng 4,6% (giảm 3,9 điểm%); xe ô tô và phụ tùng tăng 14,3% (giảm 1,3 điểm%);

- Hoạt động xây dựng quý II tăng 5,59%; thấp hơn khá nhiều so với quý I (-3,67 điểm%) do có khá ít công trình mới khởi công, trong khi các công trình chuyển tiếp từ năm trước đã giải ngân hết vốn trong nửa đầu quý I/2024.

TỐC ĐỘ TĂNG GRDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ

Đơn vị tính: %

	<u>Q4.2023</u> Q4.2022	<u>Q1.2024</u> Q1.2023	<u>Q2.2024</u> Q2.2023	<u>6T.2024</u> 6T.2023
CHUNG	10,88	10,11	9,91	10,00
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6,77	4,98	2,16	3,52
Công nghiệp - xây dựng	12,33	13,91	13,54	13,71
- Công nghiệp	12,81	14,34	14,28	14,31
- Xây dựng	9,73	9,27	5,59	7,30
Dịch vụ	9,73	6,83	7,03	6,93
Thuế SP trừ trợ cấp sản phẩm	9,75	4,65	5,15	4,90

Một số điểm nổi bật trong bức tranh tăng trưởng 6 tháng đầu năm như sau:

Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 3,52% (đóng góp 0,41 điểm%), do:

- Hoạt động chăn nuôi (+6,1%) và nuôi trồng thủy sản (+6,8%) tăng ổn định;
- Năng suất vụ đông và lúa chiêm xuân (đạt 67,0 tạ/ha) đều tăng so với cùng kỳ. Riêng vải thiều chính vụ mất mùa, vải sớm năng suất giảm, làm cho sản lượng vải giảm 21,8%, đồng thời làm giảm tốc độ tăng của khu vực này.

Khu vực Công nghiệp và xây dựng ước tăng 13,71% (đóng góp 7,38 điểm%); trong đó: Công nghiệp tăng 14,3%; Xây dựng tăng 7,3%.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng của các tháng cuối năm 2023 và tăng cao hơn quý I/2024. Các ngành sản xuất đều tăng trưởng khá đồng đều; chỉ có 02/36 ngành giảm là “Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác” và “Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị” nhưng chỉ chiếm 3,5% giá trị công nghiệp. Một số ngành chiếm tỷ trọng lớn, tăng cao như: Sản xuất chế biến thực phẩm (14,5%); May mặc (+15,0%); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (15,9%); Sản xuất kim loại (+10,6%); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và quang học (+12,8%); Sản xuất xe có động cơ và linh kiện (+15,0%); Sản xuất và phân phối điện (+21,9%).

- Hoạt động xây dựng tăng trưởng cao trong quý I (+9,3%) do hoạt động giải ngân vốn đầu tư công và các dự án, công trình dở dang năm trước chuyển sang; tuy nhiên, quý II chỉ tăng 5,6% do sụt giảm từ khu vực hộ dân cư, trong khi các dự án đầu tư mới đang vướng mắc thủ tục hành chính, chưa thể khởi công ngay.

Khu vực dịch vụ ước tăng 6,9% (đóng góp 1,79 điểm%); trong đó quý II tăng 7,03% cao hơn quý I/2024 nhưng thấp hơn quý IV năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Tiêu dùng dân cư tăng thấp hơn (do thu nhập của người lao động giảm và áp lực lạm phát);
- Hoạt động tài chính, tín dụng, bảo hiểm gặp nhiều khó khăn; thị trường bất động sản sau đợt “sóng” quý I tiếp tục trầm lắng;
- Tác động từ việc tăng lương cơ sở của công chức, viên chức giữa năm 2023 có tác động tích cực đến tăng trưởng các ngành dịch vụ như: QLNN, y tế, giáo dục;
- Tác động lan tỏa từ lĩnh vực sản xuất để tăng tiêu dùng từ khu vực dân cư thường chậm hơn từ 3-6 tháng, nên chưa đủ làm tăng tiêu dùng cuối cùng dân cư.

2. Tài chính, ngân hàng

2.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6 ước đạt 12.716 tỷ đồng; ước tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến 30/6 ước đạt 14.764 tỷ đồng, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu nội địa đạt 12.800 tỷ đồng, tăng 49,9%; các nguyên nhân làm cho số thu tăng cao là:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 445 tỷ đồng, tăng 51,3% cùng kỳ năm trước nguyên nhân do một số công ty nộp nhiều như công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam, công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch, công ty CP Bia HN-HD; ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, ngân hàng TMCP Ngoại thương VN chi nhánh Hải Dương; công ty TNHH MTV KCN Lai Vu, công ty CP KD nước sạch HD;

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.059 tỷ đồng, tăng 7,2%. Tuy một số doanh nghiệp trọng điểm có số nộp thấp so cùng kỳ như: Công ty TNHH Ford Việt Nam; công ty TNHH Điện lực Jaks Hải Dương nhưng nhiều DN nộp NSNN cao so với cùng kỳ năm trước như: Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam, công ty TNHH KPF Việt Nam, công ty TNHH Proterial Việt Nam, công ty TNHH công nghệ Ducar, công ty TNHH điện tử Poyun Việt Nam;

- Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh 2.400 tỷ đồng, tăng 58,9%. Mặc dù công ty CP Thép Hoà Phát và công ty CP Năng Lượng Hoà Phát có số ước nộp giảm so với cùng kỳ nhưng nhiều DN nộp NSNN cao so với cùng

kỳ năm trước như: chi nhánh công ty TNHH Hoàng Thanh tại Nam Sách, Công ty TNHH Hoàng Yên HD, công ty TNHH Đại Dương, chi nhánh công ty CP tập đoàn đầu tư Tây Bắc tại Hải Dương, Công ty CP đầu tư Newland, công ty TNHH MTV Masan HD, công ty CP Tập đoàn Thành Công.

- Thuế thu nhập cá nhân 740 tỷ đồng, tăng 18,0%; thu thuế bảo vệ môi trường 355 tỷ đồng, tăng 22,2%; các khoản thu về nhà, đất 3.984 tỷ đồng, tăng 204,1%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tính đến thời điểm 15/6 ước đạt 9.344 tỷ đồng; ước tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến 30/6 ước đạt 9.863 tỷ đồng, tăng 23,2% cùng kỳ năm trước; trong đó, chi thường xuyên đạt 6.461 tỷ đồng, tăng 19,4%; chi đầu tư phát triển 3.383 tỷ đồng, tăng 32,3%.

2.2. Hoạt động tín dụng, ngân hàng

Hoạt động ngân hàng trên địa bàn ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ của các tổ chức, cá nhân; Tín dụng tiếp tục tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh và động lực tăng trưởng theo chỉ đạo của Chính phủ và của ngành, kiểm soát chặt chẽ đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng, các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng; nợ xấu trong tầm kiểm soát; đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiền mặt cho lưu thông; chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được đẩy mạnh; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tiếp tục được quan tâm; công tác từ thiện, an sinh xã hội được tích cực thực hiện với số tiền ủng hộ lũy kế từ đầu năm là 17.156 triệu đồng.

Số dư huy động vốn tại thời điểm 15/6 đạt 200.352 tỷ đồng; ước đến hết tháng 6 đạt 200.670 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước.

Dư nợ tín dụng tại thời điểm 15/6 đạt 136.998 tỷ đồng; ước đến hết tháng 6 đạt 138.603 tỷ đồng tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước; Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, nợ xấu nội bảng chiếm 1,1% tổng dư nợ.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản thuận lợi. Năng suất, sản lượng hầu hết cây trồng đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2023, một số loại cây trồng cho năng suất, sản lượng tăng cao là cây lúa, cà rốt, su hào, cải bắp, chuối, ổi...; riêng cây vải thiều giảm trên 20% do thời tiết nắng ấm nhiều ảnh hưởng đến tỷ lệ ra hoa và đậu quả của cây vải; hiệu quả kinh tế chăn nuôi đạt khá, đàn gia súc, gia cầm phát triển tốt; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, diện tích nuôi thủy sản siêu thâm canh với mật độ cao được đầu tư mở rộng ở một số địa phương.

3.1. Trồng trọt

Cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng vụ đông xuân đạt 86.406 ha, giảm 0,1% (-61 ha) so với cùng kỳ năm trước (vụ đông tăng 385 ha, vụ chiêm xuân giảm 446 ha); trong đó, diện tích vụ đông 22.390 ha, chiếm 25,9%; vụ chiêm xuân 64.016 ha, chiếm 74,1%.

Trong cơ cấu diện tích gieo trồng vụ đông xuân, cây lúa chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 62,4% nhưng có xu hướng giảm qua các năm (năm 2023 là 62,8%; năm 2022 là 62,9%; năm 2021 là 63,6%; năm 2020 là 64,4%), tiếp đó là nhóm cây rau, đậu, hoa đạt 29,2%, các nhóm cây còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể.

Năng suất lúa chiêm xuân sơ bộ đạt 67,2 tạ/ha, tăng 2,7% so với năm trước; sản lượng rau các loại ước đạt 674.914 tấn, tăng 2,8%; năng suất, sản lượng của hầu hết cây rau màu chủ yếu của vụ đông xuân năm 2024 cơ bản đều cao hơn so với vụ đông xuân năm 2023.

Cây lâu năm: Diện tích trồng cây lâu năm ước đạt 22.796 ha, tăng 0,74% (+167 ha) so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích cây ăn quả ước đạt 21.826 ha, tăng 144 ha; diện tích một số cây ăn quả chủ lực như sau: Cây vải đạt 8.834 ha, giảm 25 ha; Cây chuối ước đạt 2.702 ha, tăng 27 ha; cây ổi ước đạt 2.612 ha, tăng 90 ha.

Diễn biến thời tiết ở giai đoạn cây vải phân hóa mầm hoa và ra hoa không thuận lợi, thời tiết nắng ấm và ít mưa nên tỷ lệ ra hoa, đậu quả thấp hơn so với năm trước. Do vậy, năng suất Vải giảm nên sản lượng ước đạt 45.000 tấn, giảm 21,8% (-12.530 tấn) so với năm trước; trong đó, vải sớm (sản lượng chiếm hơn 40%) năng suất giảm không đáng kể, nhưng vải thiều chính vụ năng suất giảm sâu.

Sản lượng một số loại cây ăn quả khác tăng khá như sau: Xoài 1.850 tấn, tăng 5,7%; chuối 38.500 tấn, tăng 6,9%; ổi 41.000 tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước.

3.2. Chăn nuôi

Trong 6 tháng đầu năm 2024, chăn nuôi gia súc, gia cầm khá ổn định, không có dịch bệnh xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm.

Ước tại thời điểm 01/7/2024, tổng đàn lợn đạt 440.000 con, tăng 4,6% (+19.361 con) so với cùng kỳ năm trước; trong đó, lợn thịt đạt 300.700 con, tăng 4,8% (+13.863 con). Số con lợn xuất chuồng 6 tháng ước đạt 334.183 con, tăng 5,7% (+17.943 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng ước đạt 35.289 tấn, tăng 6,4% (+2.135 tấn) so với cùng kỳ năm 2023.

Ước tại thời điểm 01/7/2024, tổng đàn gia cầm đạt 16.500 nghìn con, tăng 4,3% (+677 nghìn con) so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, đàn gà đạt 12.220 nghìn con tăng 4,4% (+512 nghìn con). Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 6 tháng đạt 36.421 tấn, tăng 7,6% (+2.562 tấn); trong đó sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng đạt 28.143 tấn, tăng 6,3% (+1.668 tấn) so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng trứng gia cầm đạt 315.395 nghìn quả, tăng 3,5% (+10.610 nghìn quả).

Đàn trâu ước đạt 5.400 con, tương đương so với cùng kỳ năm 2023; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 6 tháng ước đạt 456 tấn, tăng 1,0%. Tổng đàn bò ước đạt 14.610 con, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2023; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 6 tháng ước đạt 925 tấn, tăng 3,5%.

3.3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản 6 tháng ước đạt 55.127 tấn, tăng 7,5% (+3.823 tấn); trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 54.209 tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng cá lồng 6 tháng đầu năm ước đạt 11.170 tấn, tăng 5,4% (+573 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Vào cuối tháng 3/2024, trên địa bàn tỉnh có hiện tượng cá lồng chết, xảy ra tập trung ở một số lồng nuôi cá trên sông Thái Bình đoạn qua địa bàn xã Tiên Tiến và phường Nam Đồng (TP Hải Dương). Theo Cục Thủy sản nhận định, hiện tượng cá chết hàng loạt trên sông ở Hải Dương là do biến động môi trường; khi hàm lượng ô xy hòa tan thấp, nồng độ khí độc cao vượt giới hạn cho phép đã làm suy giảm sức đề kháng trên cá nuôi, là cơ hội cho tác nhân gây bệnh xâm nhập.

Số lượng cá lồng chết ước khoảng gần 1.000 tấn, chiếm gần 0,9% sản lượng nuôi cá cả năm của tỉnh; làm cho sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm giảm khoảng 1,1 điểm%.

4. Sản xuất công nghiệp

Với mục tiêu phấn đấu phát triển bứt phá trong năm 2024, UBND tỉnh và các sở, ngành đã quyết liệt thực hiện các giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP về phát triển kinh tế - xã hội; tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức hội thảo, tọa đàm lắng nghe, giải quyết những khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường; tăng cường chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp nhằm tăng khả năng thu hút vốn đầu tư FDI... Nhờ đó, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024 đạt mức tăng trưởng khá cao, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

4.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 6, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh bằng 112,7% so với cùng kỳ; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,7%; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 13,1%; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 8,4%.

Quý II, sản xuất công nghiệp tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước; một số sản phẩm có lượng sản xuất tăng cao phải kể đến như: Vải dệt kim (+35,0%), quần

áo người lớn (+13,8%), than cốc (+13,1%), mạch điện tử tích hợp (+23,6%), điện sản xuất (+18,6%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2024
(so với cùng kỳ năm trước - %)

	CHUNG	Trong đó:		
		Chế biến chế tạo	SX và phân phối điện, nước nóng	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải
Tính chung 6 tháng	113,9	113,2	118,9	111,5
Tháng 01	136,7	139,4	121,8	118,1
Tháng 02	92,7	90,4	108,4	109,3
Tháng 3	115,1	113,1	128,8	112,2
Tháng 4	115,1	113,3	126,0	110,5
Tháng 5	113,7	113,5	115,4	111,1
Tháng 6	112,7	112,7	113,1	108,4

Tính chung 6 tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp của tỉnh bằng 113,9% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có tỷ trọng lớn, tốc độ tăng cao, tác động nhiều đến chỉ số chung của toàn ngành như sau:

- Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 18,9%; tác động làm chỉ số chung toàn ngành công nghiệp tăng 1,8 điểm%. Thực hiện chỉ đạo của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) về đảm bảo điện sản xuất và tiêu dùng trong năm 2024, hai doanh nghiệp sản xuất nhiệt điện của tỉnh đều được huy động công suất cao ngay từ những tháng đầu năm. Riêng Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại đã khắc phục xong sự cố của tổ máy S6 và đưa vào vận hành từ tháng 9/2023, đã làm sản lượng điện sản xuất 6 tháng đầu năm của doanh nghiệp này đạt 2.568 triệu kwh, tăng 77% so với cùng kỳ;

- Ngành sản xuất xe có động cơ tăng 13,1% (tăng chủ yếu do sản xuất phụ tùng ô tô tăng); tác động làm chỉ số chung toàn ngành công nghiệp tăng 3,4 điểm%. Thời gian gần đây, nhu cầu mua xe ô tô của các cá nhân, gia đình ngày càng tăng cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, bộ phận phụ trợ, phổ biến là phục vụ xe của các hãng: Honda, Toyota, Hyundai, Kia, Mazda...

- Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử tăng 10,9%; tác động làm chỉ số chung tăng 2,9 điểm%. Trong bối cảnh thế giới đang chuyển đổi sang kỷ nguyên số, nhu

cầu về các sản phẩm điện tử, thiết bị điện tử thông minh ngày càng tăng, là động lực tăng trưởng cho các doanh nghiệp trong ngành;

- Ngành may mặc tăng 13,4%; tác động làm chỉ số chung tăng 0,7 điểm%. Trong thời gian qua, sức mua hàng may mặc trên thị trường thế giới đã tăng trở lại, nhiều doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh đã ký được đơn hàng đến hết quý III/2024, thậm chí có đơn hàng đến hết năm 2024. Trong nước, mặt bằng lãi suất cho vay giảm đáng kể, giúp giảm sức ép chi phí lãi vay, trong khi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ về thuế, đất đai... được kéo dài trong năm 2024.

- Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm (trong đó sản phẩm chính thức ăn chăn nuôi) tăng 12,0%; tác động làm chỉ số chung tăng 0,7 điểm%. Thời gian qua, ngành chăn nuôi trong nước đã có sự phát triển nhanh chóng do nhu cầu về thịt gia súc, gia cầm, thủy sản và các sản phẩm từ sữa ngày càng tăng cao. Đi cùng với đó là nhu cầu cung cấp thức ăn chăn nuôi có chất lượng, đầy đủ dinh dưỡng để đảm bảo năng suất và vệ sinh thực phẩm. Giá thức ăn chăn nuôi cũng đang ở mức “hợp lý có lãi”, do giá thành nguyên liệu đầu vào như ngô, đậu tương có xu hướng giảm là những yếu tố góp phần cho sự tăng trưởng của ngành.

- Ngành sản xuất thiết bị điện tăng 44,9%; làm chỉ số chung tăng 1,4 điểm%. Sản phẩm máy phát điện trong quý II/2024 tiếp tục gấp 2,5 lần so với cùng kỳ, tính chung 6 tháng đầu năm tăng 178,3%; cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác quý II/2024 tăng 15,8% so với cùng kỳ, tính chung 6 tháng đầu năm tăng 11,4%. Bên cạnh việc các thị trường xuất khẩu là Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc có sự phục hồi, nhu cầu đối với các thiết bị điện gia dụng có xu hướng tăng. Ngoài ra, sự phát triển mạnh về hạ tầng cơ sở, quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ cũng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện phát triển.

Bên cạnh đó, một số ngành công nghiệp gặp khó khăn do nhu cầu thị trường phục hồi chậm, sản lượng sản xuất so với cùng kỳ không cao, làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành đó là:

- Ngành sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại (xi măng, gạch ngói), giảm 6,9%; làm chỉ số chung giảm 0,2 điểm%. Những tín hiệu phục hồi cho thị trường vật liệu xây dựng còn khá mờ nhạt do thị trường bất động sản vẫn còn khó khăn, chưa thể trở thành cú hích cho thị trường vật liệu xây dựng trong ngắn hạn, trong khi đó nguồn cung dư thừa, tồn kho ở mức cao là những khó khăn mà các doanh nghiệp trong ngành đang gặp phải. Thời gian tới, tăng trưởng của nhóm ngành này dự báo sẽ được cải thiện do các dự án đầu tư công được đẩy nhanh tiến độ, các dự án FDI mới bắt đầu triển khai xây dựng và nhu cầu tại một số thị trường xuất khẩu tăng lên.

- Ngành khai khoáng giảm 2,2%; làm chỉ số chung giảm 0,01 điểm%. Hiện nay, một số vùng khai thác đã hết hạn, một số doanh nghiệp trong ngành phải tạm ngừng hoặc chuyển sang ngành hoạt động khác. Thời gian qua, UBND tỉnh đã cho đấu thầu khai thác một số mỏ đá làm vật liệu xây dựng, tuy nhiên hầu hết các gói thầu này đang trong giai đoạn thẩm định, thăm dò, chưa có sản phẩm khai thác.

4.2. Chỉ số sử dụng lao động

Tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 30/6/2024 dự ước tăng 0,9% so với tháng trước, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 6 tháng đầu năm chỉ số sử dụng lao động trong ngành bằng 101,9% so với cùng kỳ. Các ngành có chỉ số sử dụng lao động tăng so với cùng kỳ là: sản xuất, chế biến thực phẩm bằng 104,4%; sản xuất đồ uống bằng 103,8%; dệt bằng 115,3%; sản xuất trang phục bằng 101,5%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy bằng 103,8%; sản xuất cao su và plastic bằng 105,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học bằng 103,1%; sản xuất thiết bị điện bằng 104,5%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu bằng 107,8%; sản xuất xe có động cơ bằng 101,4%...

Các ngành có chỉ số sử dụng lao động 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023 là: khai khoáng khác bằng 96,2%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ bằng 98,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác bằng 94,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị bằng 91,4%.

5. Hoạt động đầu tư

5.1. Hoạt động xây dựng

Năm 2024, dù được dự đoán sẽ là năm của sự phục hồi và phát triển của thị trường xây dựng khi kinh tế Việt Nam và thế giới dần ổn định, nhu cầu về đầu tư và xây dựng tăng cao. Tuy nhiên, sau đợt sóng bất động sản quý I, thị trường bất động sản lại trầm lắng, kéo theo nhu cầu xây dựng trong khu vực dân cư có phần sụt giảm. Trong tỉnh, các dự án đầu tư cũng đang vướng mắc một số thủ tục hành chính nên thời gian khởi công thực tế chậm hơn so với kế hoạch, vì vậy tăng trưởng xây dựng chưa đạt được như kỳ vọng.

Theo giá so sánh, giá trị sản xuất ngành xây dựng 6 tháng đầu năm ước đạt 10.004 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, quý I sơ bộ tăng 9,3%; quý II chỉ tăng 5,6%. Phân theo lĩnh vực xây dựng: công trình xây dựng nhà ở ước đạt 4.956 tỷ đồng, tăng 0,4%; công trình xây dựng nhà không để ở ước đạt 2.606 tỷ đồng, tăng 22,6%; công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng ước đạt 1.127 tỷ đồng, tăng 8,0%; công trình xây dựng chuyên dụng ước đạt 718 tỷ đồng, tăng 8,3%.

5.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Với mục tiêu phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công tỉnh Hải Dương năm 2024 đạt trên 95% kế hoạch giao, các cấp, các ngành khẩn trương, quyết liệt triển khai công việc ngay từ đầu năm để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên công tác giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh còn một số khó khăn, hạn chế. Đó là: việc lựa chọn nhà đầu tư một số dự án còn chậm; danh mục vật liệu xây dựng công bố định kỳ của Sở Xây dựng còn hạn chế khiến chủ đầu tư không đủ căn cứ xác định tổng mức đầu tư, dự toán; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa đáp ứng được tiến độ thi công...

Thực hiện tháng 6, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn ước đạt 425,9 tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 285,3 tỷ đồng, tăng 30,3%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 120,9 tỷ đồng, giảm 25,5%; vốn ngân sách cấp xã đạt 19,7 tỷ đồng, giảm 33,7%.

Ước tính quý II, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn đạt 1.090 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 705,6 tỷ đồng, tăng 33,5%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 333,6 tỷ đồng, giảm 26,5%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 50,8 tỷ đồng, giảm 41,1%.

Ước 6 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh đạt 1.868 tỷ đồng, đạt 26,3% kế hoạch năm, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 1.145 tỷ đồng, tăng 26,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 630 tỷ đồng, giảm 20,7%; vốn ngân sách cấp xã đạt 93 tỷ đồng, giảm 34,8%.

5.3. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

Để kích hoạt các nguồn lực đầu tư, tạo bút phá phát triển tỉnh Hải Dương cần đẩy mạnh hợp tác công tư, lấy đầu tư công dẫn dắt và kích hoạt đầu tư tư; tiếp tục đổi mới tư duy, chủ động, năng động, sáng tạo.. Với phương châm "chính quyền tỉnh Hải Dương luôn đồng hành với doanh nghiệp", tỉnh Hải Dương cam kết sẽ dành những điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư quan tâm, nghiên cứu, đầu tư vào tỉnh; sự thành công của doanh nghiệp trên địa bàn cũng chính là sự thành công của tỉnh. Nhờ đó, 6 tháng đầu năm 2024 vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh tăng khá.

Ước thực hiện quý II, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn đạt 15.081 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vốn nhà nước trên địa bàn đạt 2.049 tỷ đồng, tăng 22,1%; vốn ngoài nhà nước đạt 9.812 tỷ đồng, tăng 4,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.220 tỷ đồng, tăng 27,1%.

Tính chung 6 tháng năm, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 26.529 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

- Vốn nhà nước đạt 3.698 tỷ đồng, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm trước;
- Vốn ngoài nhà nước đạt 17.053 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước: Khu vực hộ dân cư đạt 10.461 tỷ đồng, chiếm 61,3%, tăng 6,1% so với cùng kỳ với mục đích chủ yếu là cho hoạt động xây dựng;
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 5.778 tỷ đồng, tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn

	6T.2023	6T.2024	$\frac{6T.2024}{6T.2023}$
	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%)
Tổng số	23.789	26.529	111,5
Vốn nhà nước trên địa bàn	2.890	3.698	127,9
Vốn ngoài nhà nước	16.099	17.053	105,9
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	4.799	5.778	120,4

Trong 6 tháng đầu năm 2024, một số dự án có tổng mức vốn đầu tư lớn đang triển khai đầu tư trên địa bàn tỉnh như dự án nhà máy sản xuất văn phòng phẩm của Công ty hữu hạn tập đoàn Deli với tổng vốn đầu tư 270 triệu USD tại KCN Đại An mở rộng; dự án của Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời BOVIET với tổng vốn đầu tư 120 triệu USD tại KCN Cộng Hòa; dự án của Biel Crystal Private Limited với tổng vốn đầu tư 260 triệu USD tại KCN An Phát 1; dự án của CE Link Limited với tổng vốn đầu tư 60 triệu USD tại KCN An Phát 1.

5.4. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Với mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, trung tâm công nghiệp động lực của vùng Đồng bằng sông Hồng, tỉnh Hải Dương rất quan tâm, chú trọng trong việc đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, thu hút nguồn đầu tư trong và ngoài nước...Không chỉ thu hút vốn đầu tư FDI là điểm sáng, thu hút DDI (vốn đầu tư trong nước) của tỉnh Hải Dương cũng tăng mạnh.

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư 24 dự án trong nước, với tổng vốn đăng ký 5.614 tỷ đồng, tăng gấp 1,7 lần so với cùng kỳ năm trước. Điều chỉnh 67 lượt dự án, với tổng vốn tăng thêm 1.786 tỷ đồng. Thu hồi, chấm dứt hoạt động 05 dự án.

Thành lập mới 827 doanh nghiệp (tăng 4,2%), với vốn đăng ký 6.928 tỷ đồng (tăng 1,3%). Có 1.071 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động (tăng 14,3%) và 362 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại (giảm 31,7%).

Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 178,3 triệu USD bằng 80% cùng kỳ; trong đó, cấp mới 30 dự án với số vốn 134,4 triệu USD; 13 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn 40,9 triệu USD. Các lĩnh vực thu hút vốn cao vẫn là công nghiệp chế biến, chế tạo với 29 dự án đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapo... Lũy kế, trên địa bàn tỉnh hiện có 566 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn 10.458 triệu USD (trong KCN 315 dự án, số vốn 6.276 triệu USD; ngoài KCN 251 dự án, số vốn 4.182 triệu USD).

6. Thương mại, giá cả, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ tháng 6 và 6 tháng đầu năm tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Dù bối cảnh kinh tế thế giới vẫn tiếp tục khó khăn, việc làm và thu nhập của người lao động giảm, đã tác động đến sức mua của thị trường; nhưng với nền tảng vĩ mô ổn định, cùng với các biện pháp xúc tiến thương mại, hỗ trợ sản xuất, kích cầu tiêu dùng nên hoạt động thương mại, dịch vụ chịu tác động không lớn.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tháng 6 đạt 8.601 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 12,4% so cùng kỳ năm trước.

TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG CÁC THÁNG NĂM 2024 (so với cùng kỳ năm trước - %)

	Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Trong đó:		
		Bán lẻ hàng hoá	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Dịch vụ khác
Tính chung 6 tháng	112,9	112,9	118,1	109,8
Tháng 01	112,7	110,2	133,6	118,6
Tháng 02	113,8	113,8	117,4	111,8
Tháng 3	113,0	113,6	116,6	107,0
Tháng 4	112,7	113,3	115,7	107,0
Tháng 5	112,7	113,3	114,2	107,5
Tháng 6	112,4	113,0	111,7	107,7

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I đạt 24.856 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ; quý II ước đạt 25.531 tỷ đồng, tăng 12,6%. Tốc độ tăng của quý II thấp hơn quý I là do các ngành ăn uống, lưu trú và dịch vụ khác không duy trì được tốc độ tăng cao như 3 tháng đầu năm

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 50.386 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 41.365 tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 3.481 tỷ đồng, tăng 18,1%; doanh thu dịch vụ khác đạt 5.541 tỷ đồng, tăng 9,8%.

6.1. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 6 ước đạt 7.096 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 13,0% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

- Lương thực, thực phẩm tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 13,0% so với cùng kỳ năm trước;

- Nhóm gỗ và vật liệu xây dựng đạt 890 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu bán lẻ hàng hoá quý I đạt 20.331 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ; quý II ước đạt 21.035 tỷ đồng, tăng 13,2%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 41.365 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ; trong đó: Lương thực, thực phẩm (nhóm có tỷ trọng cao nhất: 36,2%) đạt 14.983 tỷ đồng, tăng 15,2%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 5.206 tỷ đồng, tăng 13,0%.

6.2. Doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng 6 ước đạt 1.505 tỷ đồng, tăng 0,3% so với tháng trước, tăng 9,4% so với cùng kỳ; trong đó: dịch vụ lưu trú tăng 0,4% so với tháng trước, tăng 5,7% so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 12,0% so với cùng kỳ; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch dịch vụ tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 39,5% so với cùng kỳ; khác tăng 0,3% so với tháng trước, tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Doanh thu quý I đạt 4.525 tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ; quý II ước đạt 4.497 tỷ đồng, tăng 10,0%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 9.021 tỷ đồng, tăng 13,0% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế:

- Dịch vụ lưu trú đạt 147 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước;
- Dịch vụ ăn uống đạt 3.258 tỷ đồng, tăng 16,1%;
- Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 76 tỷ đồng, tăng 39,4%;
- Dịch vụ khác đạt 5.541 tỷ đồng, tăng 9,8%.

6.3. Vận tải

Doanh thu vận tải tháng 6 ước đạt 1.297 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước, tăng 14,8% so với cùng kỳ; trong đó: vận tải hành khách tăng 21,3% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa tăng 10,8%; dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 21,3%.

Ước quý II, doanh thu vận tải, kho bãi và hỗ trợ vận tải đạt 3.850 tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Vận tải hành khách đạt 603 tỷ đồng, tăng 17,4%; vận tải hàng hoá đạt 2.298 tỷ đồng, tăng 14,5%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 906 tỷ đồng, tăng 21,3%.

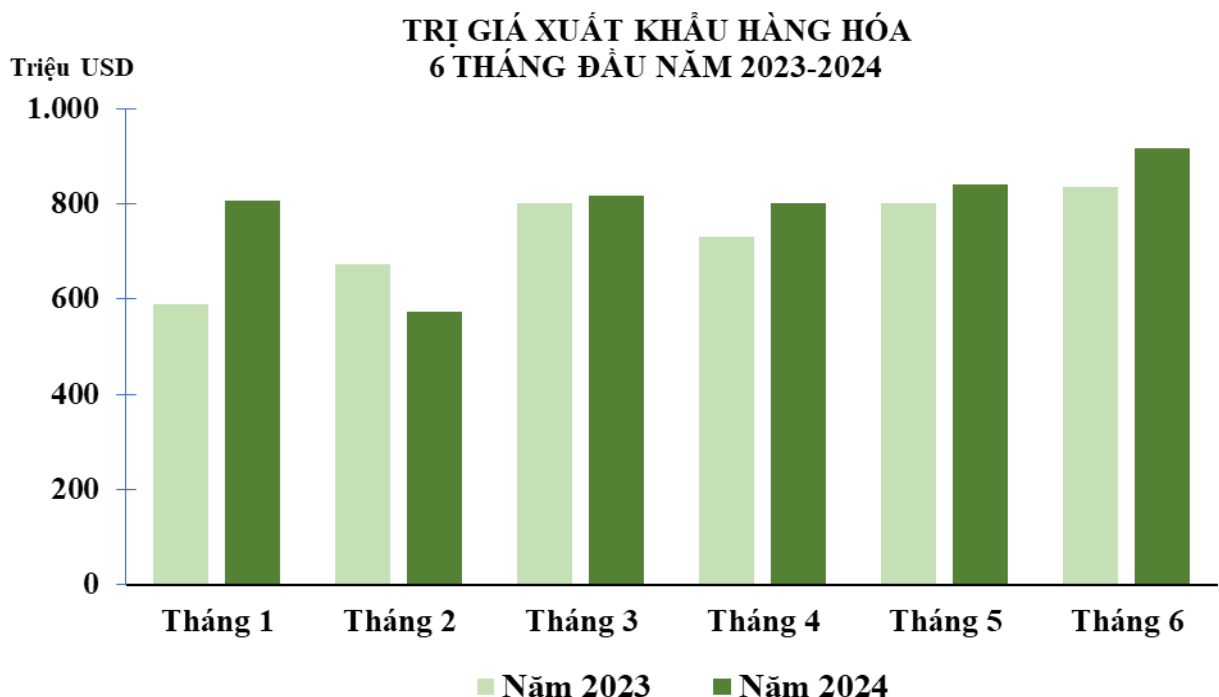
Ước tính 6 tháng đầu năm, doanh thu vận tải, kho bãi và hỗ trợ vận tải đạt 7.728 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước; phân theo ngành hoạt động, vận tải hành khách đạt 1.183 tỷ đồng, tăng 18,8 %; vận tải hàng hoá đạt 4.593 tỷ đồng, tăng 12,7%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 1.868 tỷ đồng, tăng 24,5%.

6.4. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hoá

Tháng 6, giá trị hàng hóa xuất khẩu ước đạt 917 triệu USD, tăng 9,0% so với tháng trước và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Ước 6 tháng đầu năm, giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 4.756 triệu USD; tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị hàng hóa xuất khẩu các tháng đều tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước (riêng tháng 02 thấp hơn do ảnh hưởng kỳ nghỉ Tết Nguyên đán). Các nhóm mặt hàng chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao là:

- Nhóm hàng dệt may ước đạt 1.114 triệu USD, tăng 7,4%;
- Nhóm linh kiện điện tử và máy văn phòng ước đạt 881 triệu USD, tăng 17%;
- Nhóm ô tô và phụ tùng ô tô ước đạt 705 triệu USD, tăng 8,1%.



Hoạt động nhập khẩu tăng khá do nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu cho hoạt động xuất khẩu. Tháng 6, giá trị hàng hóa nhập khẩu ước đạt 733 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng trước nhưng tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính 6 tháng đầu năm, giá trị nhập khẩu hàng hóa đạt 3.925 triệu USD; tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước. Một số nhóm mặt hàng nhập khẩu tăng cao gồm có:

- Nhóm ô tô và phụ tùng ô tô ước đạt 827 triệu USD, tăng 4,7%;
- Nhóm phụ kiện, linh kiện điện tử ước đạt 749 triệu USD, tăng 17,8%;
- Nhóm vải và nguyên phụ liệu may mặc ước đạt 650 triệu USD, tăng 14,4%.

7. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng 0,93% so với tháng trước (khu vực thành thị tăng 0,86%; khu vực nông thôn tăng 0,97%); tăng 2,49% so với cùng kỳ năm trước và bình quân so với cùng kỳ tăng 2,95%.

So với tháng trước, có 06 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng giá và 03 nhóm giảm giá và 02 nhóm có giá ổn định so với tháng trước. Trong 06 nhóm hàng tăng giá, có một số nhóm tăng cao, tác động nhiều đến CPI chung như sau:

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,02%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,73 điểm%; tăng chủ yếu ở một số mặt hàng như: nhà ở tăng 5,25%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,64 điểm%;

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,49%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,46 điểm%; tăng chủ yếu do nhóm hàng thực phẩm tăng 2,04%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,46 điểm% (thịt gia súc tăng 5,73%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,39 điểm%; thịt gia cầm tăng 0,47%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,01 điểm%; thịt chế biến tăng 2,23%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,02 điểm%);

- Nhóm hàng văn hóa giải trí và du lịch tăng 0,30%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,01 điểm%; tăng chủ yếu ở một số mặt hàng như: dịch vụ thể thao tăng 0,17%; ngành du lịch chọn gói tăng 2,62%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,01 điểm%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước như: nhóm hàng giao thông giảm 2,38%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,24 điểm%; giảm chủ yếu giảm ở mặt nhiên liệu xăng, dầu giảm 5,75%, tác động làm cho CPI chung giảm 0,24 điểm%; nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm 0,14% và một số mặt hàng giảm như khoai lang giảm 13,71%, tác động làm cho CPI chung tăng 0,01 điểm%; ngô giảm 5,01%.

Giá vàng tháng 6 giảm theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng giảm 0,37% so tháng trước; tăng 33,39% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 25,19%. Tính đến ngày 23/6/2024, bình quân giá vàng là 7.546 ngàn đồng/1 chỉ, giảm 28 ngàn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Hiện nay, giá vàng có giá phổ biến ở mức từ 7.540 – 7.560 ngàn đồng/chỉ.

Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 6 giảm 0,005% so với tháng trước; tăng 7,62% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 5,55% so với cùng kỳ năm trước. Giá bình quân của Đô la Mỹ loại tờ (50 - 100 USD) tháng 6 là 2.546.565 đồng/100USD, giảm 127đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.540.000 - 2.550.00 đồng/100USD.

Về chỉ số giá sản xuất, Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2024 tăng 7,49% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 6 tháng đầu năm tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý II giảm 1,73% so với cùng kỳ; tính chung 6 tháng đầu năm giảm 3,12%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý II tăng 4,24% so với cùng kỳ; tính chung 6 tháng đầu năm tăng 4,40%;

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng quý II tăng 2,44% so với cùng kỳ; tính chung 6 tháng đầu năm tăng 1,68%.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá quý II/2024 giảm 2,50% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 6 tháng đầu năm giảm 1,95% so với cùng kỳ; chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá giảm 3,02% và giảm 2,15%.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Văn hóa, thể thao

Trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm, nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao được các sở, ngành và địa phương tổ chức chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại của tỉnh, của đất nước như : Chào mừng kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đón Tết nguyên đán Giáp Thìn năm 2024; tuyên truyền Hội nghị Công bố quy hoạch tỉnh; kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; kỷ niệm 49 năm Ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước và 138 năm ngày Quốc tế lao động; 65 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn; 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; Chương trình quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình... Triển khai xây dựng,

phát triển mô hình thôn, khu dân cư gắn với việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử văn minh nơi công cộng trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Công tác bảo tồn di sản văn hoá được quan tâm thực hiện, tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa. Tiến hành công tác khảo sát hiện trạng các công trình di tích đề nghị tu bổ cấp thiết, chống xuống cấp năm 2024 và khảo sát các di tích đề nghị xếp hạng năm 2024. Hoàn thiện nhiệm vụ quy hoạch và triển khai lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2023 - 2033, tầm nhìn đến 2050. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang đón tiếp các đoàn chuyên gia của UNESCO vào thẩm định hồ sơ đề cử Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm- Côn Sơn, Kiếp Bạc trình UNESCO ghi danh là di sản thế giới.

Hoạt động thể dục, thể thao được triển khai rộng rãi, phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng qua các hoạt động: Giải việt dã “Hành trình kết nối di sản tỉnh Hải Dương lần thứ nhất năm 2024”; Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030 và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và Ngày hội xuống nước năm 2024. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tỉnh Hải Dương lần thứ X năm 2026; Đề án chuẩn bị lực lượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Hải Dương tham dự Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026.

Nâng cao chất lượng đào tạo VĐV các tuyến của tỉnh, tuyển chọn, đào tạo VĐV thành tích cao thuộc 28 bộ môn thể thao trọng điểm. Cử VĐV tham gia thi đấu các giải thể thao quốc gia và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, Tham mưu tổ chức gặp mặt tuyên dương, khen thưởng HLV, VĐV tiêu biểu và VĐV đạt thành tích.

Hoạt động quảng bá du lịch được tăng cường, đẩy mạnh liên kết, hợp tác, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, Phối hợp thực hiện tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch Hải Dương trên các phương tiện truyền thông của tỉnh: 4 bài trên Báo Hải Dương; 03 số trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan thực hiện công tác chuẩn bị các gian hàng tại Tuần Văn hóa ẩm thực du lịch và Xúc tiến thương mại Lễ hội mùa Xuân Côn Sơn - Kiếp Bạc năm 2024, hưởng ứng Năm Du lịch Quốc gia 2024 nhằm quảng bá sản phẩm du lịch của Hải Dương đến du khách trong nước và bạn bè quốc tế.

2. Y tế

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tiếp tục được tập trung chỉ đạo. Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh được cải thiện. Năng lực y tế cơ sở tiếp tục được nâng lên. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác phòng chống dịch bệnh được tăng cường, kiểm soát tốt một số loại dịch bệnh xuất hiện trên địa bàn tỉnh như: sốt xuất huyết, chân tay miệng, thủy đậu, Cúm A/H5N1, H7N9..... và các bệnh dịch mới nổi không phát hiện các trường hợp nghi mắc.

Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh ghi nhận 230 trường hợp mắc bệnh thủy đậu, giảm 36 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023, không ghi nhận trường hợp nặng, tử vong, hầu hết các trường hợp mắc đều dưới 10 tuổi và chưa tiêm vắc xin phòng bệnh Thủy đậu; 40 trường hợp Sốt xuất huyết mắc rải rác tại các địa phương, tăng 20 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023, không ghi nhận ổ dịch; 256 trường hợp mắc Tay - chân -miệng, tăng 172 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023, đa số các trường hợp mắc dưới 6 tuổi, không ghi nhận trường hợp nặng, tử vong; 218 trường hợp mắc Covid-19, giảm 3.085 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023, không ghi nhận trường hợp nặng, tử vong. Các bệnh khác: Cúm A/H5N1, H7N9..... và các bệnh dịch mới nổi không phát hiện các trường hợp nghi mắc.

Công tác y tế dự phòng và truyền thông giáo dục sức khỏe được tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, quản lý các bệnh không lây nhiễm, quản lý môi trường y tế, nâng cao sức khỏe người dân. Duy trì công tác giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, cảnh báo sớm các dịch bệnh có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra việc đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Trong 6 tháng đầu năm, số trẻ sinh là 9.325 trẻ, giảm 638 trẻ so với cùng kỳ; Tỷ số giới tính khi sinh: 119 bé trai/100 bé gái, giảm 3,47 điểm%; Tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 55%; Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 50%.

3. Giáo dục

Trong 6 tháng đầu năm, các cơ quan chuyên môn đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác giáo dục và đạt được những kết quả sau:

- Hoàn thành chương trình năm học 2023-2024 tại các cấp học; thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy định; triển khai công tác xét tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9; tổ chức Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT công lập đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế;

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án thăng hạng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập;

- triển khai có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Tổ chức các Hội nghị thí điểm học bạ số cấp tiểu học năm học 2023-2024; dạy học thực nghiệm Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 5; xây

dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng giáo viên dạy lớp 9, lớp 12 năm học 2024-2025, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên hè năm 2024 và năm học 2024-2025;

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư; tính đến hết tháng 6/2024, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 78,1% (cấp học mầm non đạt 68,2%; cấp học Tiểu học đạt 84,4%; cấp học THCS đạt 87,2%; cấp THPT đạt 61,4%.);

- Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2023-2024 có 109 học sinh đạt giải, trong đó có 12 giải Nhất, 45 giải Nhì, 53 giải Ba; chọn được 108 học sinh tham gia đội tuyển. 100 % thành viên đội tuyển của 11 môn thi là học sinh Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi. Năm học này, Hải Dương có số học sinh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2023-2024 nhiều nhất (năm học 2022-2023 là 102 học sinh).

4. Lao động, việc làm, đời sống dân cư và đảm bảo an sinh xã hội

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, trong 6 tháng đầu năm các ngành chức năng đã tổ chức tư vấn việc làm, tư vấn học nghề và tư vấn pháp luật lao động cho 14.630 lượt lao động; giới thiệu việc làm cho 3.441 người; tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp 4.771 người; tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Từ đầu năm 2024 đến nay đã có 5.727 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng là 4.997 người với tổng số kinh phí gần 118 tỷ đồng. Hỗ trợ học nghề đối với 28 người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp với tổng số kinh phí 150 triệu đồng.

Hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, Phối hợp tổ chức thành công Lễ phát động Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động - Tháng công nhân năm 2024, tổ chức 02 Ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, 02 Hội nghị tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2024, thu hút 3.500 học sinh tại các trường THCS trên địa bàn.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tuyển mới giáo dục nghề nghiệp 14.581 người (cao đẳng: 40 người, trung cấp: 44 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng: 14.497 người); công nhận tốt nghiệp cho 11.970 người (cao đẳng: 288 người, trung cấp: 1.591, sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng: 10.091 người).

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công: Tổ chức thăm, tặng quà các gia đình chính sách tiêu biểu trên địa bàn tỉnh; Triển khai chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Rà soát, bổ sung các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo vệ môi trường

Vi phạm môi trường: Tháng 6/2024, trên địa bàn tỉnh phát hiện 09 vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường (06 vụ vi phạm môi trường, 01 vụ phạm tài nguyên, 02 vụ vi phạm an toàn thực phẩm), đã xử lý 17 vụ (08 vụ vi phạm từ các tháng trước), tổng số tiền xử phạt là 459 triệu đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, số vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường là 401 vụ (319 vụ vi phạm môi trường, 34 vụ vi phạm tài nguyên, 48 vụ vi phạm an toàn thực phẩm), đã xử lý 100% số vụ, tổng số tiền xử phạt là 3.764 triệu đồng.

Tình hình thiên tai: Trong tháng và 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh không phát sinh thiên tai.

6. Trật tự an toàn xã hội

Trật tự an toàn xã hội: Công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp, truy nã tội phạm thu được nhiều kết quả quan trọng. Phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc có nhiều đổi mới, đi vào thực chất, huy động sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân.

Đã phát hiện, bắt giữ 267 vụ, 3.166 đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, chức vụ; 323 vụ, 534 đối tượng về ma túy; 392 vụ việc vi phạm các quy định về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm. Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội xảy ra 173 vụ, 389 đối tượng (giảm 77 vụ = 30,8% so với cùng kỳ năm 2023).

Tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ. Tổ chức kiểm tra định kỳ an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 2.070 lượt cơ sở; phát hiện, hướng dẫn, kiến nghị cơ sở khắc phục 3.344 nội dung tồn tại về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Xử phạt vi phạm hành chính 291 trường hợp, phạt tiền trên 5,59 tỷ đồng; tạm đình chỉ hoạt động đối với 28 cơ sở; đình chỉ hoạt động đối với 54 cơ sở không đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Phát hiện xử lý 17.284 trường hợp vi phạm giao thông, phạt tiền trên 51,7 tỷ đồng (tăng 4.421 trường hợp = 34,4%, tăng 23,7 tỷ đồng tiền phạt = 84,6%), tước 5.726 GPLX, tạm giữ 5.721 phương tiện.

Về tai nạn cháy, nổ: Trong tháng 6/2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy tại cửa hàng ăn uống ở xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, vụ cháy làm 01 người chết, 01 người bị thương, nguyên nhân của vụ cháy được các cơ quan chức năng nghi do rò rỉ khí ga ở khu vực bếp trong quá trình nấu ăn. Nhiều tài sản, vật dụng trong cửa hàng bị hư hỏng.

Sáu tháng đầu năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 12 vụ cháy, làm 02 người chết, 03 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 2.717 triệu đồng.

Về tai nạn giao thông (TNGT): Tháng 6/2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 36 vụ TNGT và va chạm giao thông, làm chết 12 người, bị thương 34 người.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 407 vụ tai nạn và va chạm giao thông làm 114 người chết, làm bị thương 353 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ TNGT tăng 246 vụ (152,8%), số người chết tăng 10 người (9,6%), số người bị thương tăng 264 người (296,6%); trong đó: TNGT đường bộ xảy ra 405 vụ, làm 113 người chết và 353 người bị thương; TNGT đường sắt xảy ra 01 vụ, làm 01 người chết; TNGT đường thủy nội địa xảy ra 01 vụ, không gây thiệt hại về người.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh Hải Dương./.

Nơi nhận:

- TCTK (Vụ TKTH);
- VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, Công thương, NN&PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Phạm Bá Dũng